



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

CTCP Logistics Vicem

Ngày 28/06/2024	9,290 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	4.3%	1.1%	-5.2%

DT thuần Q2/24
81.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 24.9 43.8%
YoY: ▼1.80 -2.1%

LN thuần Q2/24
4.80
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.89 5433%
YoY: ▲ 2.38 98.3%

LN sau thuế Q2/24
3.89
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.97 4962%
YoY: ▲ 1.54 65.5%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/24
5.9%
YoY: +/-▲ 5.9%

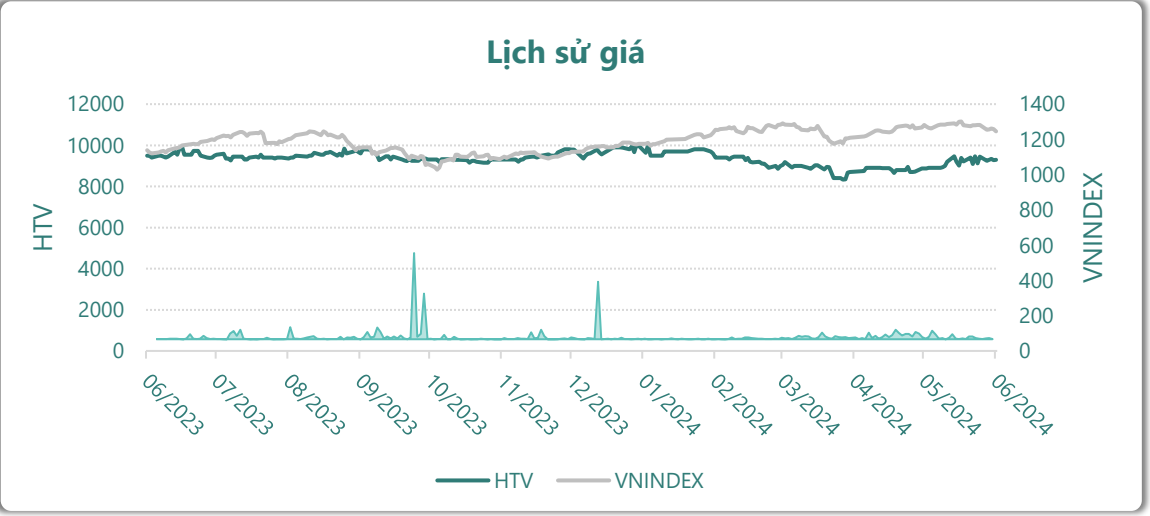
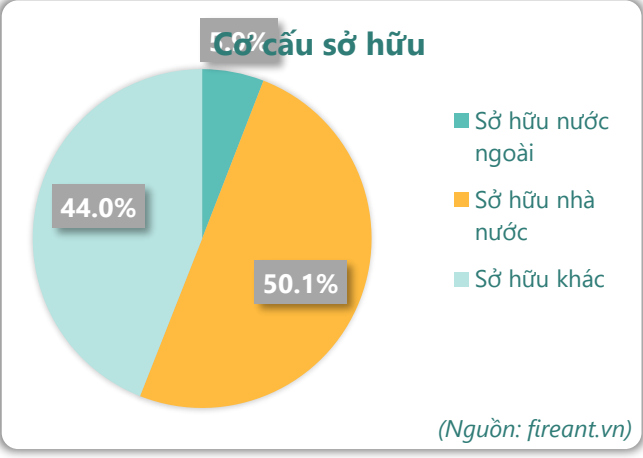
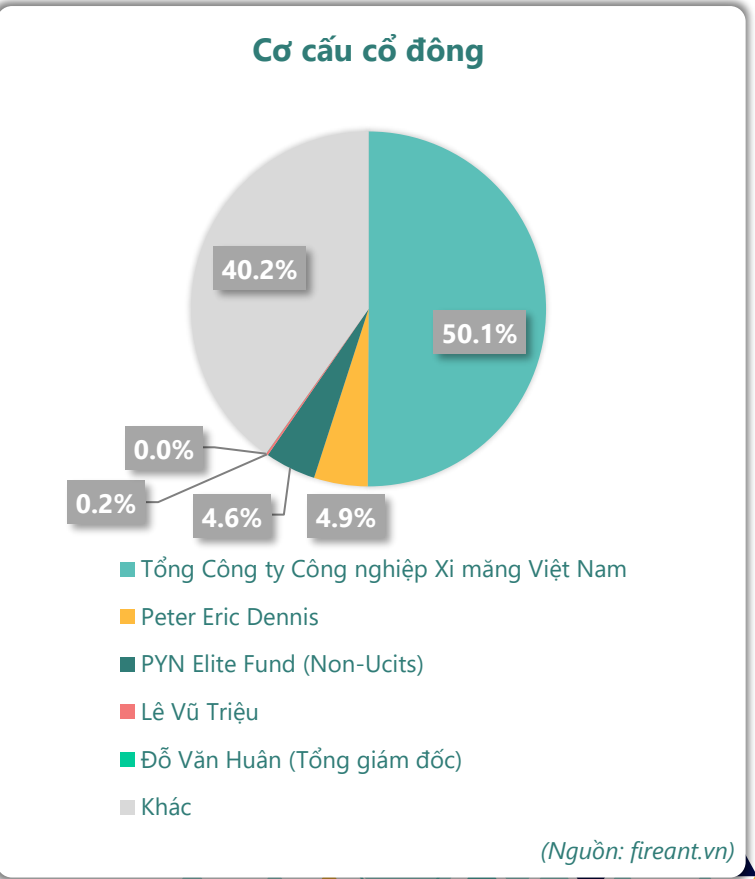
ROE (TTM) Q2/24
3.3%
YoY: +/-▲ 0.6%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	8,330 - 10,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	122
Số lượng CPLH (CP)	13,104,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,180
Sở hữu nước ngoài	5.9%
Beta	0.31
EPS	801
P/E	11.6

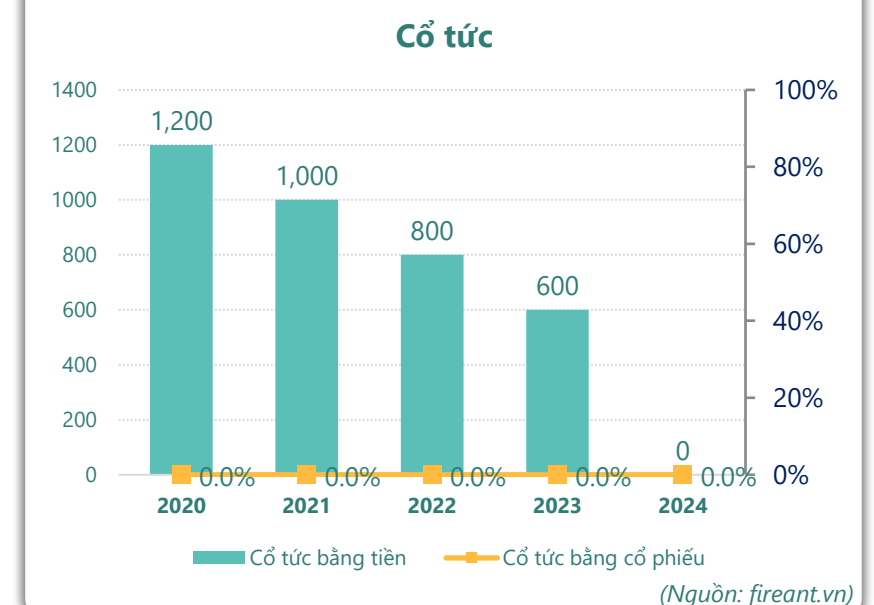
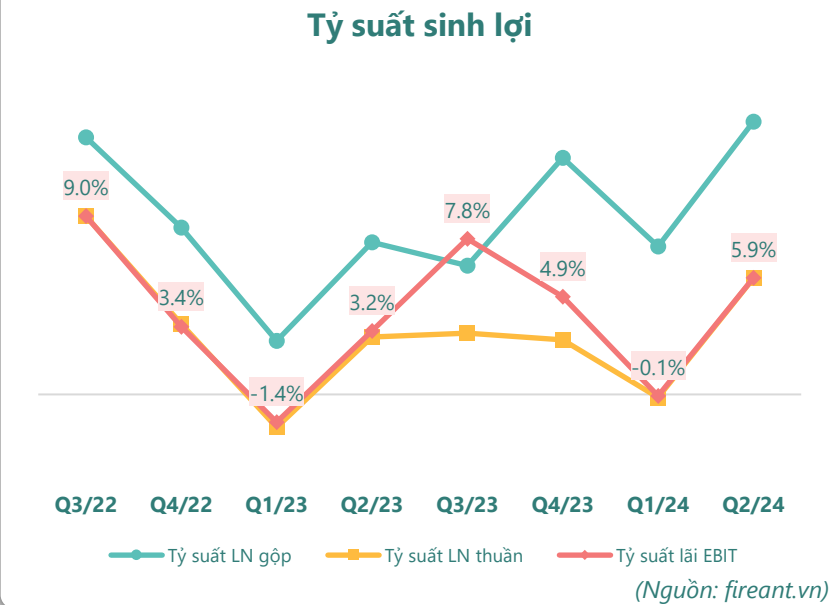
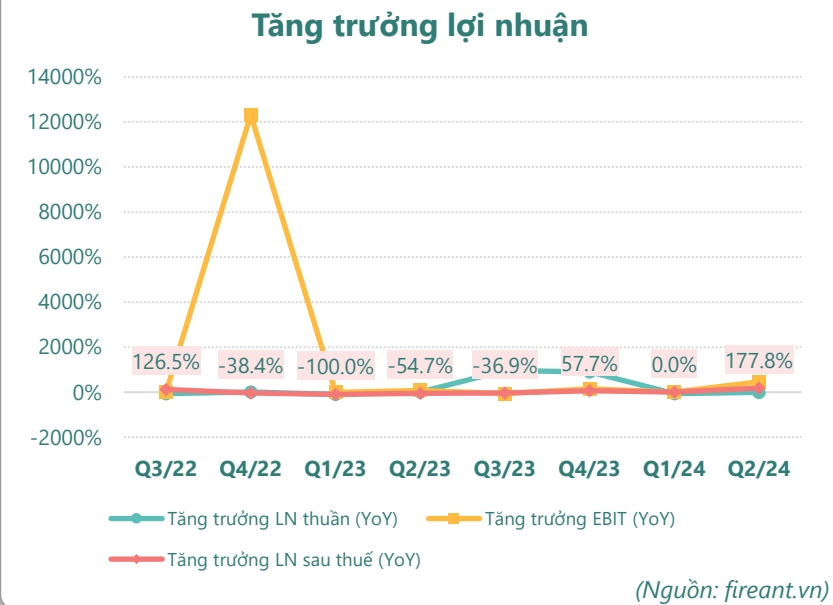
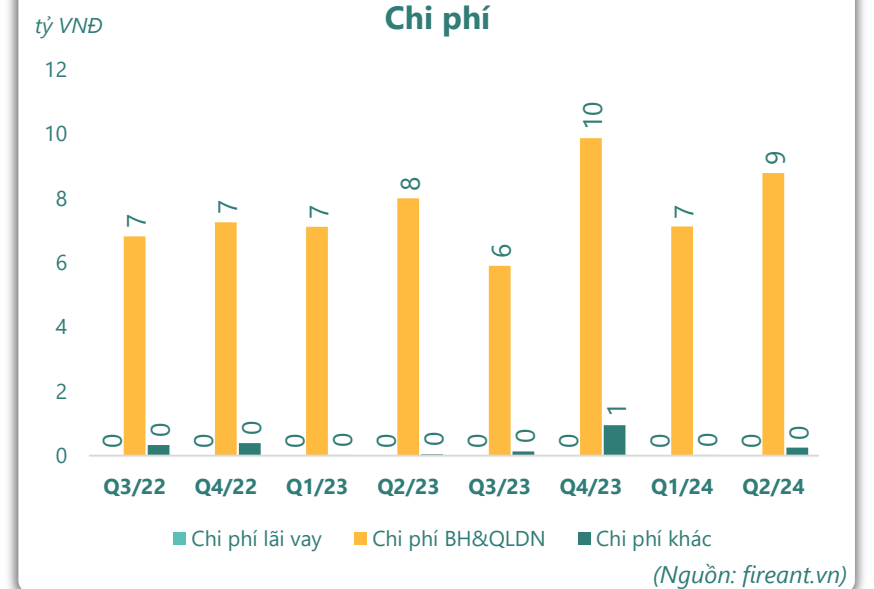
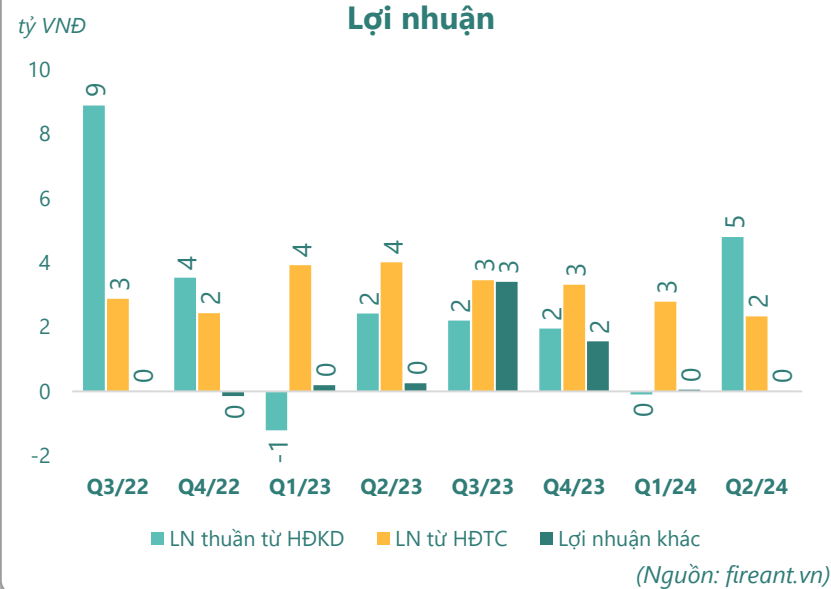
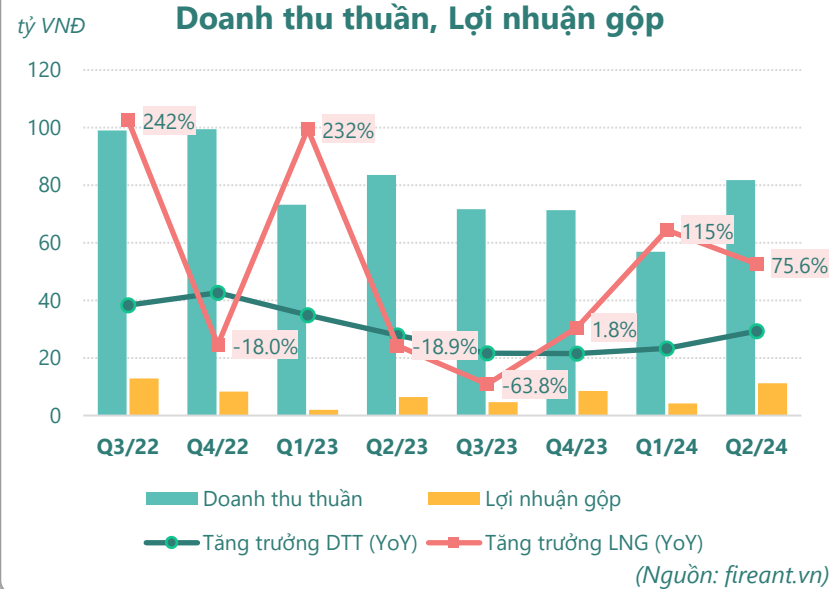
DT thuần 6T 2024
139
tỷ VNĐ
YoY: ▼18.0 -11.5%

LN thuần 6T 2024
4.71
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.50 290%

LN sau thuế 6T 2024
3.81
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.49 188%



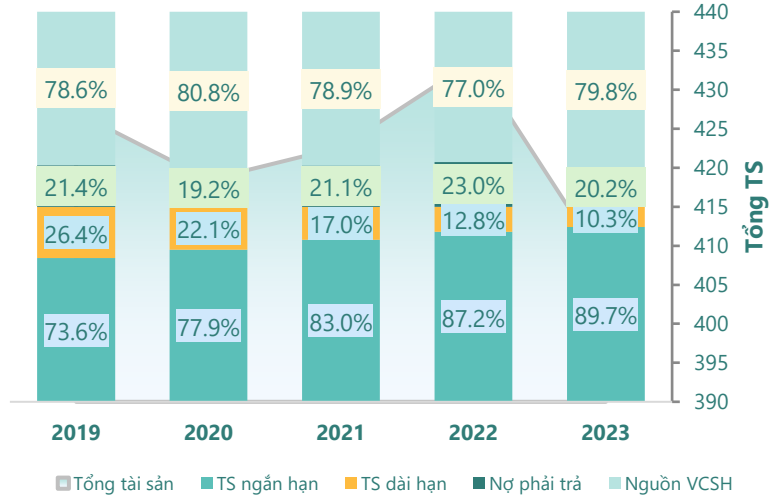
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

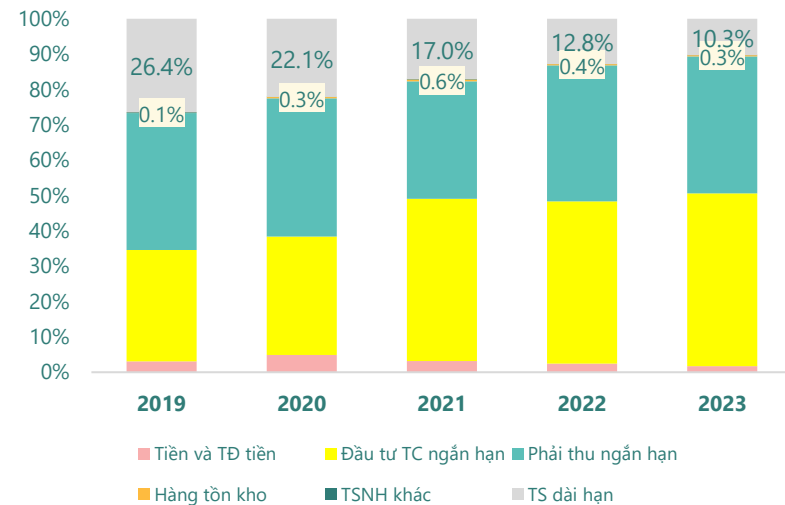
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

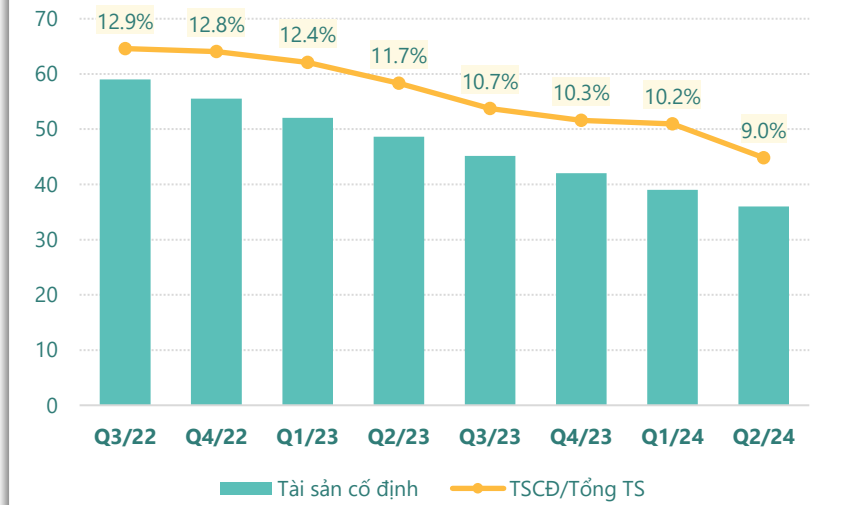
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

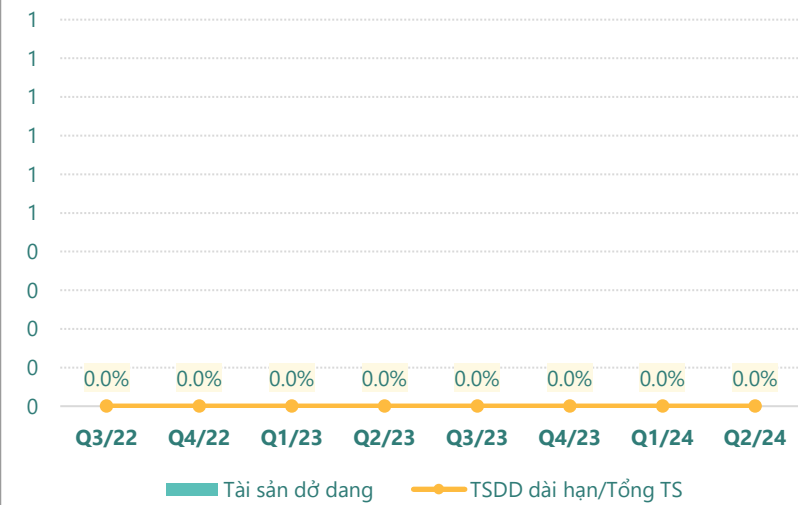
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

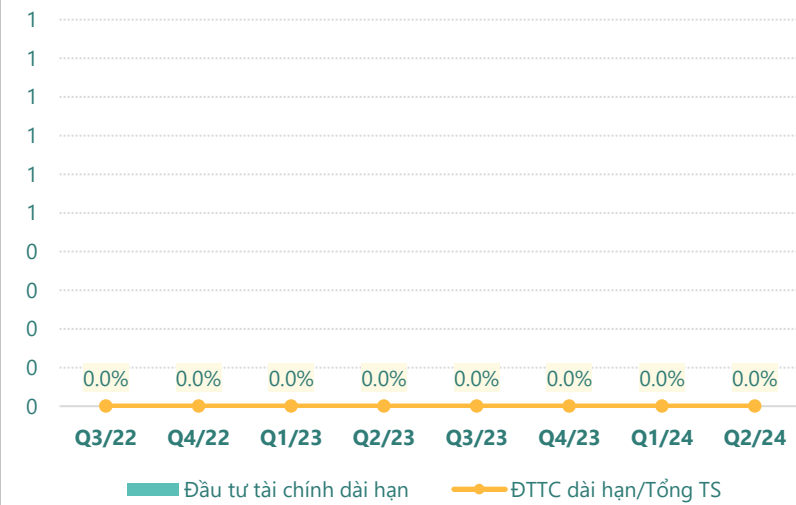
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

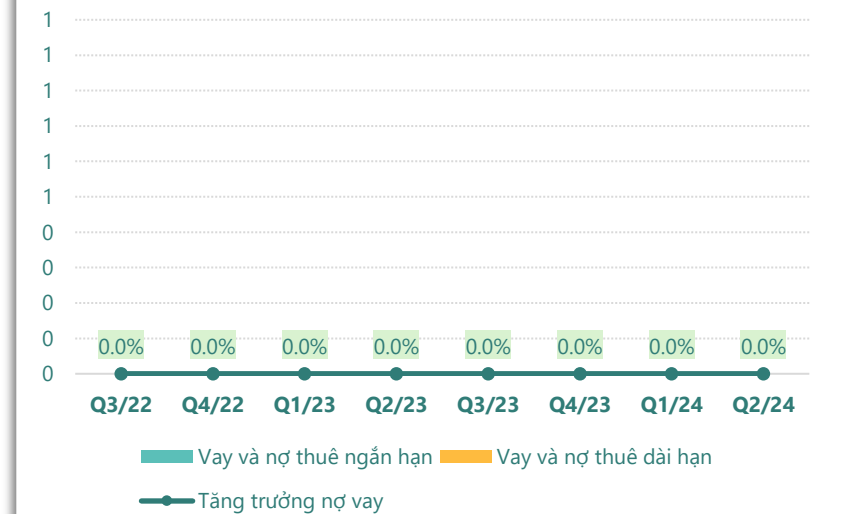
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

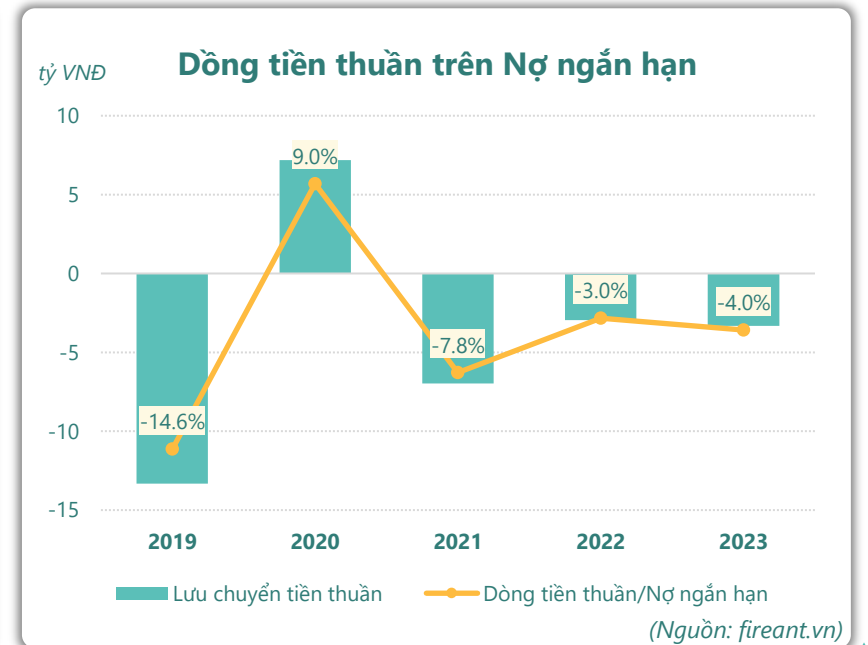
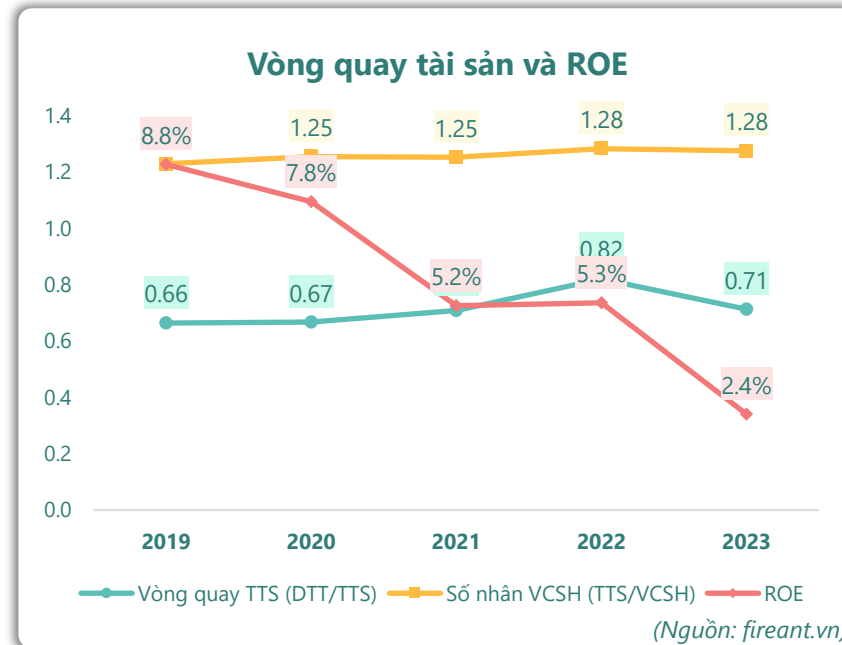
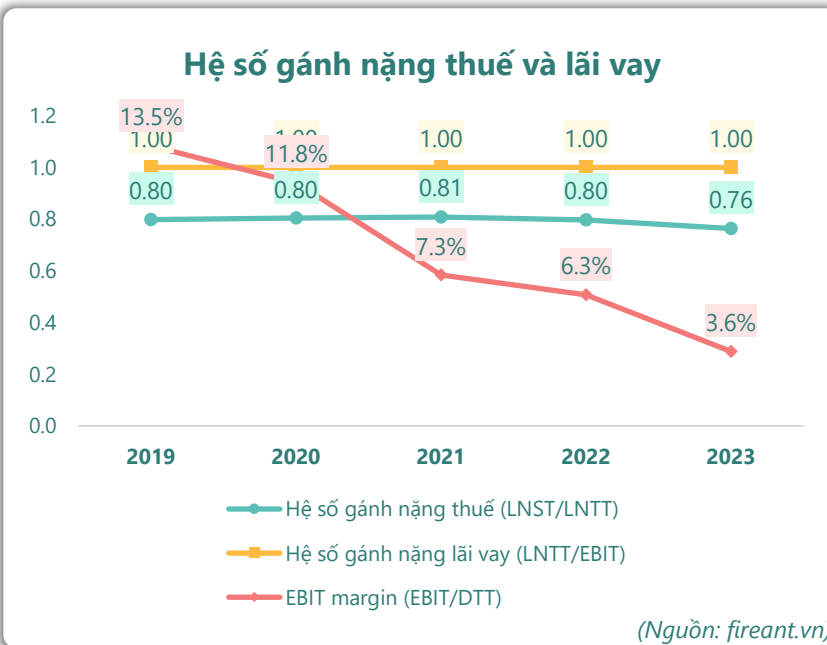
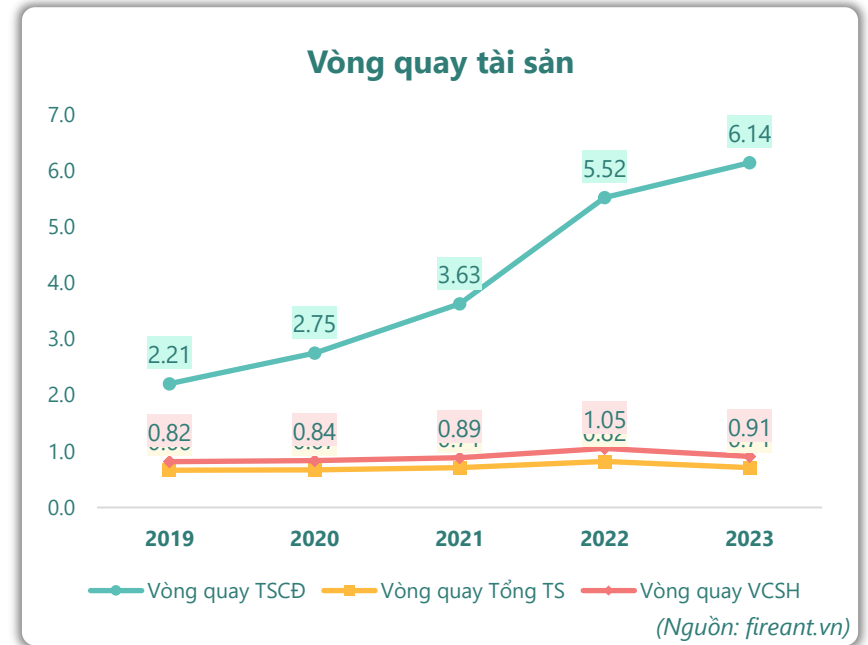
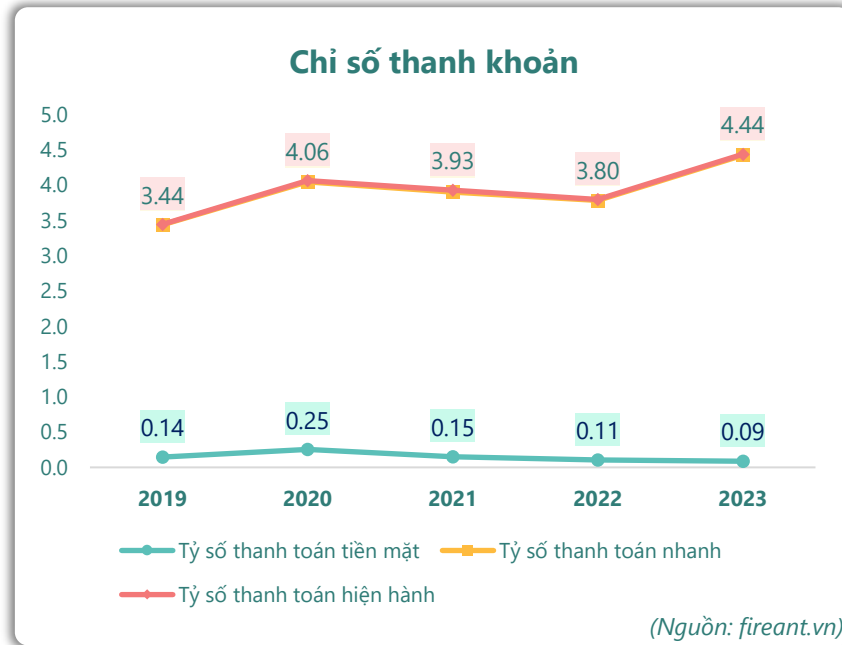
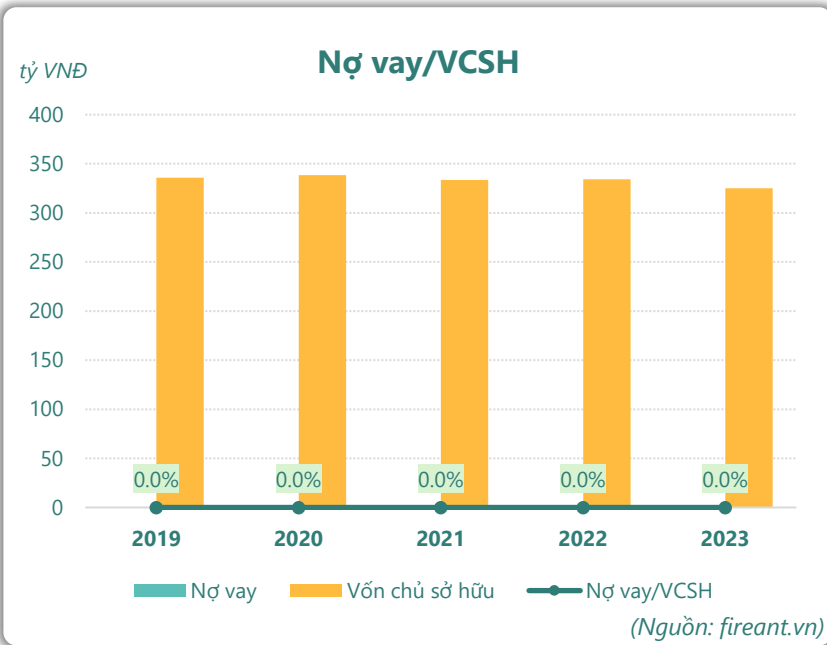
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	81.8	83.6	-2.1%	139	157	-11.5%
Giá vốn hàng bán	70.6	77.2	-8.6%	123	148	-17.0%
Lợi nhuận gộp	11.3	6.41	75.7%	15.5	8.39	84.9%
Doanh thu HĐTC	2.34	4.02	-41.9%	5.13	7.95	-35.5%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	8.80	8.01	9.8%	15.9	15.1	5.3%
LN thuần từ HĐKD	4.80	2.42	98.3%	4.71	1.21	290%
Lợi nhuận khác	0.01	0.25	-96.6%	0.06	0.45	-86.9%
LN trước thuế	4.81	2.68	79.4%	4.77	1.65	188%
Lợi nhuận sau thuế	3.89	2.35	65.5%	3.81	1.32	188%
LNST của CĐ cty mẹ	3.89	2.30	69.1%	3.77	1.28	194%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-20.1	-1.43	18.4	-10.9	4.42	14.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	18.4	-0.26	-11.6	12.0	-4.87	-9.87
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.05	0	0	-7.86	0.16	0
Tiền đầu kỳ	10.5	8.82	7.13	13.9	7.16	6.87
Lưu chuyển tiền thuần	-1.66	-1.69	6.80	-6.77	-0.29	4.93
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	8.82	7.13	13.9	7.16	6.87	11.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	402	408	-1.4%
Tài sản ngắn hạn	366	365	0.1%
Tiền và tương đương tiền	11.8	7.16	64.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	219	199	10.2%
Phải thu ngắn hạn	132	158	-16.3%
Hàng tồn kho	2.25	1.17	91.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.01	0.01	15.6%
Tài sản dài hạn	36.0	42.1	-14.3%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	36.0	42.1	-14.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	82.3	82.3	0.0%
Nợ ngắn hạn	82.3	82.3	0.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	45.2	49.9	-9.3%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	319	325	-1.8%
Vốn chủ sở hữu	319	325	-1.8%
Vốn điều lệ	131	131	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

